TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 09/01/2020.
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm.
Ông Lê Đình Nhung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 682/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thùy Linh, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Nụm, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thùy Linh trình bày: Chị và anh Nụm chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2013, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn là do khi chung sống với anh Nụm thì chị chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nụm là vợ chồng.

Con chung: Chị và anh Nụm có 01 người con chung là Phan Hoàng L, sinh ngày 13/6/2013, đang theo sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh Nụm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm

nghìn) đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Nụm thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Nhận thấy thống nhất với lời trình bày của chị Linh về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân anh và chị Linh chung sống như vợ chồng chỉ 01 năm là do trong thời gian sống chung chị Linh ham chơi, bán hết tài sản của vợ chồng để tiêu xài cá nhân và không biết làm ăn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Linh; Con chung: Anh đồng ý giao cháu L cho chị Linh tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Linh với anh Nụm.

Về con chung: Giao chị Linh có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Hoàng L, sinh ngày 13/6/2013. Buộc anh Nụm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Buộc chị Linh, anh Nụm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nụm có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Linh và anh Nụm tự nguyện chung sống với nhau từ từ năm 2012 đến năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn, không thuộc trường hợp được xem là hôn nhân thực tế, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, tuyên bố không công nhận chị Linh và anh Nụm là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Phan Hoàng L, sinh ngày 13/6/2013 đang theo sống với chị Linh, chị Linh có đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu L cần giao chị Linh tiếp tục nuôi cháu L; anh Nụm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L theo thỏa thuận của chị Linh và anh Nụm số tiền mỗi tháng

700.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản, giải quyết nợ chung: Chị Linh và anh Nụm trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí: Chị Linh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Nụm phải án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Phan Thùy Linh và anh Nguyễn Văn Nụm là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Phan Hoàng L, sinh ngày 13/6/2013 cho chị Linh có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Buộc anh Nụm có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu L số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Anh Nụm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Linh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017671 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị Linh đã nộp đủ án phí.

- Anh Nụm phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Linh được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nụm được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Tài